TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04** /2024/HNGĐ-PT
Ngày: 18-01-2024
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Phi Yến

Ông Ngô Hà Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung*".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 37/2023/HNGĐ-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXPT-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023; Thông báo hoãn phiên tòa số: 17/TB-TA ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự**:**

1. Nguyên đơn: Ông **Lê T**; sinh năm 1983; Trú tại: Tổ A, Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh C**; sinh năm 1989; Trú tại: Tổ A, thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê M, Sinh năm: 1943. Trú tại: Tổ A, thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.2. Bà Trần S, sinh năm: 1952. Trú tại: Tổ A, thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3.3 Ngân hàng A. Trụ sở: Số X, quận H, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền: Ông Đ - cán bộ Ngân hàng*(Theo giấy ủy quyền số 14358/ ngày 31/8/2022).* Có mặt.

3.4. Ngân hàng B. Trụ sở: Số Z, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Người được ủy quyền: Bà H- nhân viên xử lý nợ. *(Theo giấy ủy quyền số 983/UQ-QLN.22 ngày 29/9/2022).* Có mặt.

3.5. Ngân hàng C. Trụ sở: số Q, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Người được ủy quyền: Ông T - cán bộ Ngân hàng. *(Theo giấy ủy quyền số 071803.22 ngày 12/07/2022)*. Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Ông Lê T- Là nguyên đơn.

Bà Huỳnh C - Là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê T và bà Huỳnh C tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014 *(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58/TLKH-BS ngày 02/07/2014)*, có đăng ký tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Theo ông T, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2018, bà C có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác, bỏ bê gia đình, không lo chăm sóc con cái, ông T đã nhiều lần khuyên giải và yêu cầu chấm dứt để quay về sống cùng lo cho con cái học hành nhưng bà C không từ bỏ. Từ năm 2019 đến nay bà C thường xuyên bỏ nhà đi, thỉnh thoảng mới về thăm con, lần cuối cùng bỏ nhà ra đi ở nơi khác là vào tháng 11/2019. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Nay ông T xác định vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Huỳnh C.

Về con chung: Ông Lê T xác định ông và bà Huỳnh Thị Cúc có hai con chung tên Lê M, sinh ngày 07/02/2015 và Lê N, sinh ngày 13/11/ 2017. Từ khi bà Cúc bỏ nhà đi tháng 11/2019 đến nay 02 con đều do ông chăm sóc, nuôi dưỡng, vì vậy khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà Huỳnh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Lê T xác định ông và bà Huỳnh C có các tài sản chung sau:

- *Tài sản thứ nhất:* Đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2073, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, diện tích: 165m^2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC XXX1196 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên Huỳnh C.

- *Tài sản thứ hai:* Đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 573, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, TP.Đà Nẵng, diện tích: 518m^2 (Trong đó: đất ở nông thôn 358,5m^2, đất trồng cây hằng năm khác 159,5m^2), mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận số CCXXX197 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên Lê T và Huỳnh C.

Về nguồn gốc hai thửa đất số 2073 và 573 là do cha mẹ ông là ông Lê M và bà S chuyển nhượng cho ông T và bà C nhằm mục đích đứng tên vay tiền Ngân hàngđể có vốn làm ăn, thực tế ông T và bà C không thanh toán tiền mua đất như hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký.

Đối với căn nhà 02 tầng trên thửa đất số 2073, tờ bản đồ số 12 là tài sản chung của ông và bà C nhưng do ông tự đi vay nợ để xây dựng, bà C không có công sức đóng góp gì. Vì vậy ông yêu cầu chia theo tỷ lệ 80/20, ông nhận nhà đất và thối trả phần chênh lệch cho bà C.

- *Tài sản thứ ba:* 01 thửa đất số 273, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam, diện tích 117,8m^2 (Trong đó: đất ở nông thôn 100m^2, đất trồng cây lâu năm 17,8m^2), mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận số CTXXX790 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 13/12/2019 đứng tên Lê Tvà Huỳnh C.

- *Tài sản thứ tư:* 01 xe ô tô con nhãn hiệu Kia, số loại: Morning, số khung: 51M5KC160502, số máy: G4LAKP033561, màu sơn: Xanh, số chỗ ngồi: 5, BKS 43A-XXX 60 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/10/2019 đứng tên bà Huỳnh C.

Về nguồn gốc: Thửa đất số 273 và 01 xe ô tô con nhãn hiệu Kia, Morning BKS 43A-XXX 60 là tài sản chung do ông và bà C tạo lập trong quá trình chung sống. Vì vậy, ông yêu cầu chia đôi mỗi người ½, giao thửa đất số 273 và xe ô tô cho bà C sở hữu và bà C có nghĩa vụ thối trả phần chênh lệch cho ông.

Ông đồng ý với kết quả Thẩm định giá của Công ty định giá đối với các tài sản trên.

d. Về nợ chung: Ông Lê T xác định ông và bà Huỳnh C có các khoản nợ chung sau:

- Nợ Ngân hàng A: Tính đến ngày 15/9/2023 số tiền: 168.198.637 đồng, trong đó nợ gốc: 134.869.125 đồng, nợ lãi: 33.329.512 đồng theo Hợp đồng cho vay từng lần số REF1929000311/HĐTD-TDH/CN ngày 19/10/2019. Tài sản đảm bảo khoản vay nói trên là 01 Xe ô tô con nhãn hiệu Kia, số loại: Morning, số khung: 51M5KC160502, số máy: G4LAKP033561, màu sơn: Xanh, số chỗ ngồi: 5, biển kiểm soát: 43A-XXX 60 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/10/2019 đứng tên bà Huỳnh C theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF1929000311/HĐTC-OTO/CN ngày 18/10/2019.

- Nợ Ngân hàng B: Tính đến ngày 15/9/2023 số tiền là 1.294.621.068 đồng *(Một tỷ, hai trăm chín mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi mốt nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng)*, trong đó: nợ gốc là 938.660.000 đồng; nợ lãi là 50.934.850 đồng; nợ lãi quá hạn là 224.402.314 đồng và nợ thẻ tín dụng là 80.623.904 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2188901.19 ngày 06/5/2019. Tài sản đảm bảo khoản vay nói trên là đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 573, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, TP.Đà Nẵng, diện tích: 518m^2 có Giấy chứng nhận số CCXXX197 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên Lê T và Huỳnh C theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9557661.19 ngày 06/5/2019.

- Nợ Ngân hàng C: Tính đến ngày 15/9/2023 số tiền là 659.240.217 đồng, trong đó nợ gốc 513.012.022 đồng, lãi trong hạn 8.078.246 đồng, lãi quá hạn 121.225.302 đồng, phạt chậm trả lãi 16.924.646 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng số HOK.CN.2018.071019 ngày 10/10/2019. Tài sản đảm bảo khoản vay nói trên là đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2073, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, diện tích: 165m^2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC XXX1196 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên Huỳnh C theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HOK.BĐCN.242071019 ngày 10/10/2019.

Từ năm 2019 đến nay, trong thời gian bà C bỏ nhà đi nên ông đã đứng ra để trả nợ hàng tháng cho các Ngân hàng, nhưng đến đầu năm 2022 thì do tình hình dịch bệnh ông không thể tiếp tục trả nợ được. Ông đã thanh toán cho Ngân

hàngTMCP A số tiền khoảng 143.000.000 đồng, Ngân hàngB số tiền 608.273.678 đồng, Ngân hàng C số tiền 238.966.817 đồng, tổng số tiền ông T đã trả cho các Ngân hànglà 990.240.495 đồng. Tại phiên tòa, ông T thống nhất việc ông và bà C cùng có nghĩa vụ trả các khoản nợ nói trên.

**** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng – bị đơn bà Huỳnh C trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh C thống nhất với phần trình bày của ông Lê T về thời gian kết hôn, địa điểm đăng ký kết hôn và thời gian chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau khi kết hôn. Nhưng về sau, bà C và ông T bắt đầu bất đồng quan điểm, mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 11/2021, bà C và ông T không còn sống chung với nhau. Bà C nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà C đồng ý ly hôn với ông Lê T.

Về con chung: Bà C xác định bà và ông Lê T có 02 con chung tên Lê M, sinh ngày 07/02/2015 và Lê N, sinh ngày 13/11/2017. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên từ tháng 11/2021 đến nay bà C phải ly thân không thể sống chung với ông T, khi ra đi bà C không thể mang 02 con theo nên hiện nay cháu Lê M và Lê N vẫn đang ở chung với ông T và do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì 02 con là nữ, nên bà C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông Lê T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Cvà ông T có tạo lập được tài sản chung gồm có:

- *Tài sản thứ nhất:* Đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2073, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, diện tích: 165m2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC XXX1196 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên Huỳnh C.

- *Tài sản thứ hai:* Đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 573, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, TP.Đà Nẵng, diện tích: 518m2 (Trong đó: đất ở nông thôn 358,5m2, đất trồng cây hằng năm khác 159,5m2), mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận số CCXXX197 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên Lê T và Huỳnh C.

Về nguồn gốc hai thửa đất số 2073 và 573 là do cha mẹ ông là ông Lê M và bà Trần S chuyển nhượng cho ông T và bà C nhằm mục đích đứng tên vay

tiền Ngân hàngđể có vốn làm ăn, thực tế ông T và bà C không thanh toán tiền mua đất như hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký.

- *Tài sản thứ ba:* 01 thửa đất số 273, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam, diện tích 117,8m2 (Trong đó: đất ở nông thôn 100m2, đất trồng cây lâu năm 17,8m2), mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận số CTXXX790 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 13/12/2019 đứng tên Lê T và Huỳnh C.

- *Tài sản thứ tư:* 01 Xe ô tô con nhãn hiệu Kia, số loại: Morning, số khung: 51M5KC160502, số máy: G4LAKP033561, màu sơn: Xanh, số chỗ ngồi: 5, BKS 43A-XXX 60 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/10/2019 đứng tên bà Huỳnh C.

Đối với kết quả thẩm định giá của Công ty định giá bà C thấy hơi thấp nhưng thống nhất, không có ý kiến gì và không yêu cầu định giá lại. Bà Huỳnh C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Cụ thể có 03 phương án:

Phương án 1: Đối với thửa đất số 573, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, TP.Đà Nẵng, diện tích: 518m^2 bà C yêu cầu bán để trả nợ cho các Ngân hàngvà số tiền còn dư sẽ chia đôi. Còn đối với ba tài sản chung còn lại gồm thửa đất số 2073, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, TP.Đà Nẵng, diện tích: 165m^2; thửa đất số 273, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam, diện tích 117,8m^2; 01 Xe ô tô nhãn hiệu Kia, biển số: 43A-XXX.06 thì bà C mong muốn cùng ông Lê T đồng sở hữu, không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Phương án 2: Trong trường hợp ông Lê T không đồng ý với phương án 1 thì bà C đề nghị ông Tgiao cho bà số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng). Bà C sẽ giao cho ông Lê T có toàn quyền sở hữu đối với tài sản chung trên và ông Lê T có trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng.

Phương án 3: Theo bà Huỳnh C thì tổng khoản nợ hiện nay khoảng 2.000.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản chung theo kết quả thẩm định giá khoảng 6.000.000.000 đồng. Bà Huỳnh C có nghĩa vụ trả hết khoản nợ 2.000.000.000 đồng cho các Ngân hàngvà thối trả lại cho ông T 2.000.000.000 đồng. Bà C sẽ sở hữu toàn bộ các tài sản chung của bà C và ông T . Thời hạn mà bà Huỳnh C sẽ thanh toán hết các khoản nợ và thối trả lại cho ông Lê T là 02 tháng kể từ ngày hòa giải cuối cùng.

Về nợ chung: Bà C xác định bà và ông T có nợ chung như sau:

- Nợ Ngân hàng A: Tính đến ngày 15/9/2023 số tiền: 168.198.637 đồng, trong đó nợ gốc: 134.869.125 đồng, nợ lãi: 33.329.512 đồng theo Hợp đồng cho vay từng lần số REF1929000311/HĐTD-TDH/CN ngày 19/10/2019. Tài sản đảm bảo khoản vay nói trên là 01 Xe ô tô con nhãn hiệu Kia, số loại: Morning, số khung: 51M5KC160502, số máy: G4LAKP033561, màu sơn: Xanh, số chỗ ngồi: 5, biển kiểm soát: 43A-XXX 60 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/10/2019 đứng tên bà Huỳnh C theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF1929000311/HĐTC-OTO/CN ngày 18/10/2019.

- Nợ Ngân hàng B: Tính đến ngày 15/9/2023 số tiền là 1.294.621.068đ (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn không trăm sáu mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc là 938.660.000 đồng; nợ lãi là 50.934.850 đồng; nợ lãi quá hạn là 224.402.314 đồng và nợ thẻ tín dụng là 80.623.904 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2188901.19 ngày 06/5/2019. Tài sản đảm bảo khoản vay nói trên là đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 573, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, TP.Đà Nẵng, diện tích: 518m^2 có Giấy chứng nhận số CCXXX197 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên Lê T và Huỳnh C theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9557661.19 ngày 06/5/2019.

- Nợ Ngân hàng C: Tính đến ngày 15/9/2023 số tiền là 659.240.217 đồng, trong đó nợ gốc 513.012.022 đồng, lãi trong hạn 8.078.246 đồng, lãi quá hạn 121.225.302 đồng, phạt chậm trả lãi 16.924.646 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng số HOK.CN.2018.071019 ngày 10/10/2019. Tài sản đảm bảo khoản vay nói trên là đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2073, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, diện tích: 165m^2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC XXX1196 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên Huỳnh C theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HOK.BĐCN.242071019 ngày 10/10/2019.

Ly hôn bà thống nhất số nợ của các Ngân hàngvà yêu cầu chia đôi các khoản nợ trên mỗi người ½ để trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần S trình bày:

Con trai tôi là Lê T (1983) và bà Huỳnh C kết hôn năm 2014, sau khi kết hôn thì ông T và bà C sống chung tại Tổ A, thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố

Đà Nẵng. Quá trình chung sống ông T và bà C có 02 con chung là: Lê M, sinh ngày 07/02/2015 và Lê N, sinh ngày 13/11/2017.

Tháng 04/2016, vợ chồng tôi là Trần S và ông Lê M có lập Hợp đồng chuyển nhượng để chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất, nhà đang đứng tên sang cho ông Lê T và bà Huỳnh C, cụ thể như sau:

- Chuyển nhượng cho bà Huỳnh C đứng tên: Thửa đất số 2073, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, diện tích: 165m^2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC XXX1196 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016.

- Chuyển cho ông Lê T đứng tên: thửa đất theo Giấy chứng nhận số CC717240 do Sở Tài nguyên Môi trường TPĐN cấp ngày 28/12/2015, thông tin cụ thể: Thửa đất số: 2071: Tờ bản đồ số 12. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, TPĐN. Diện tích: 255m^2.

- Chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lê T và bà Huỳnh C đứng tên: Thửa đất số 573, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, TP.Đà Nẵng, diện tích: 518m^2 (Trong đó: đất ở nông thôn 358,5m^2, đất trồng cây hằng năm khác 159,5m^2), mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận số CCXXX197 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016.

Trong năm 2020 vì không có tiền trả nợ Ngân hàngcũng như trả tiền xây dựng nhà trên mảnh đất mà bà C đứng tên sở hữu, do đó ông T đã bán thửa đất số: 2071: Tờ bản đồ số 12. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, Tp. Đà Nẵng. Diện tích: 255m^2 để trả nợ.

Hiện nay, nhà và đất tại thửa đất số 2073, tờ bản đồ số 12 bà S và ông M đang ở *(tài sản này hiện đứng tên sở hữu bà C và ông T)*, bà S và ông Mót đã già yếu, ông Lê M tuổi cao, thương binh nặng thường xuyên đau ốm bệnh tật, cộng thêm bà C liên tục tạo áp lực, thách thức và đòi đuổi ông M, bà S ra khỏi ngôi nhà, mảnh đất mà ông bà vất vả cả đời gầy dựng lên. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nay *bà yêu cầu Tòa án tạo điều kiện cho ông Lê T* được sở hữu nhà và đất tại thửa đất số 2073, tờ bản đồ số 12 để sinh sống. Ông Lê T sẽ thối trả lại số tiền chênh lệch trong quá trình chia tài sản chung và nợ chung cho Ngân hàngvà bà Huỳnh C.

Tại đơn yêu cầu độc lập, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người được ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A trình bày:

Bà Huỳnh C và ông Lê T đã vay vốn tại Ngân hàngA theo hợp đồng cho vay từng lần số REF1929000311/HĐTD-TDH-CN ký ngày 18/10/2019, số tiền vay: 205.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 84 tháng từ ngày 19/10/2019 đến ngày 19/10/2026, mục đích vay: Mua xe ô tô theo sản phẩm SeACar. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 01 xe ô tô con nhãn hiệu Kia, số loại: Morning, số khung: 51M5KC160502, số máy: G4LAKP033561, màu sơn: Xanh, số chỗ ngồi: 5, BKS 43A-XXX 60 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/10/2019 đứng tên bà Huỳnh C theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF1929000311/HĐTC-OTO/CN ngày 18/10/2019 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Huỳnh C và ông Lê T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày 15/09/2023, bà Huỳnh C và ông Lê T đã quá hạn là 463 ngày, dư nợ tạm tính là: 168.198.637 đồng, trong đó nợ gốc: 134.869.125 đồng, nợ lãi: 33.329.512 đồng.

Nay ông Lê T và bà Huỳnh C ly hôn Ngân hàngđề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

- Buộc bà Huỳnh C và ông Lê Tcó nghĩa vụ phải trả nợ ngay cho Ngân hàngA theo Hợp đồng cho vay từng lần số: REF1929000311/HĐTD-TDH/CN ký ngày 18/10/2019 với tổng số tiền nợ tính đến ngày 15/09/2023 là: 168.198.637 đồng, trong đó nợ gốc: 134.869.125 đồng, nợ lãi: 33.329.512 đồng.

- Buộc bà Huỳnh C và ông Lê T phải tiếp tục trả nợ lãi tính theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay từng lần số: REF1929000311/HĐTD-TDH/CN ký ngày 18/10/2019 và các khoản phí, phạt quy định tại Hợp đồng tín dụng nêu trên phát sinh từ ngày 16/9/2023 cho đến khi trả hết nợ.

- Trường hợp bà Huỳnh C và ông Lê T không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho SeABank là: xe ô tô con nhãn hiệu Kia, số loại: Morning, số khung: 51M5KC160502, số máy: G4LAKP033561, màu sơn: Xanh, số chỗ ngồi: 5, BKS 43A-XXX 60 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/10/2019 đứng tên bà Huỳnh C.

- Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ thì bà Huỳnh C và ông Lê T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Đối với kết quả thẩm định giá do Công ty định giá đã thẩm định thì Ngân hàngkhông có ý kiến gì.

Tại đơn yêu cầu độc lập, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người được ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng B trình bày:

Ngày 10/10/2019, ông Lê Tvà bà Huỳnh C có vay Ngân hàng B theo Hợp đồng cấp tín dụng số HOK.CN.2018.071019 số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay: 120 tháng, mục đích vay: Mua nhà, đất không thuộc dự án – Nhà ở - Thanh toán chi phí mua nhà để ở. Thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên, Ngâ hàng đã giải ngân cho bà Huỳnh C và ông Lê T bằng Khế ước nhận nợ Số 01 (Số tài khoản 294125929) như sau: Ngày ký và giải ngân: Ngày 15/10/2019; Số tiền giải ngân: 600.000.000 đồng; Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 8869257 của Huỳnh C tại Ngân hàng; Lãi suất: Lãi suất trong hạn: 9,80%/năm cố định trong thời hạn 03 tháng đầu tiên, Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LS13 + 3,90%/năm, Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Trong quá trình vay vốn từ ngày 15/10/2019 đến ngày 21/02/2022, bà Huỳnh C và ông Lê T đã trả được 238.966.817 đồng (trong đó 94.243.588 đồng nợ gốc và 144.723.229 đồng nợ lãi). Từ ngày 22/02/2022 bà Huỳnh C và ông Lê T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay. Tính đến ngày 15/09/2023 bà Huỳnh C và ông Lê T còn nợ là 649.189.443 đồng (trong đó nợ gốc 505.756.412 đồng, lãi trong hạn 8.078.246 đồng, lãi quá hạn 118.430.138 đồng, phạt chậm trả 16.924.646 đồng).

Ngoài ra bà Huỳnh C cũng có làm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 07/10/2019 với Hạn mức thẻ 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng).* Theo đó, số thẻ mới là 3567-95xx-xxxx-6085. Tính đến ngày 15/9/2023 bà Huỳnh C và ông Lê Tcòn nợ của khoản thẻ là 10.050.774 đồng (trong đó nợ gốc 7.255.610 và nợ lãi 2.795.164 đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, bà Huỳnh C và ông Lê T vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ACB. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn. Dư nợ chưa trả tính đến ngày 15/09/2023: Vốn gốc: 513.012.022 đồng; Lãi trong hạn: 8.078.246 đồng; Lãi quá hạn: 121.225.302 đồng; Phạt chậm trả: 16.924.646 đồng; Tổng cộng: 659.240.217 đồng.

Để đảm bảo khoản vay nói trên bà C và ông T có thế chấp cho Ngân hàngtài sản là đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2073, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, diện tích: 165m^2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC XXX1196 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên

Huỳnh C theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HOK.BĐCN.242071019 ngày 10/10/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm Văn Khánh, thành phố Đà Nẵng ngày 10/10/2019, số công chứng 2991; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Hòa Vang ngày 11/10/2019, số thứ tự 2459 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 10/10/2019.

- Bà Huỳnh C và ông Lê T trả ngay số nợ còn thiếu tính đến ngày 15/09/2023: Vốn gốc: 513.012.022 đồng; Lãi trong hạn: 8.078.246 đồng; Lãi quá hạn: 121.225.302 đồng; Phạt chậm trả: 16.924.646 đồng; Tổng cộng: 659.240.217 đồng.

- Bà Huỳnh C và ông Lê T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng tính kể từ ngày 16/09/2023 đến ngày trả hết nợ.

- Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

- Nếu bà Huỳnh C và ông Lê T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2073, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng đứng tên bà Huỳnh C.

Đối với kết quả thẩm định giá do Công ty định giá đã thẩm định thì Ngân hàngkhông có ý kiến gì.

Tại đơn yêu cầu độc lập, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người được ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C trình bày:

Ngân hàngC ký với bà Huỳnh C và ông Lê T hợp đồng tín dụng số 2188901.19 ngày 06/05/2019 như sau: số tiền vay 1.200.000.000 đồng *(Một tỷ hai trăm triệu đồng)*; Mục đích giải ngân: Thanh toán tiền mua nhà và đất tại thửa đất số 573, tờ bản đồ số 1, địa chỉ Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Ngày 07/05/2019, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Huỳnh C và ông Lê T theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2188901(1).19 với số tiền 1.200.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng số 2188901.19 ký ngày 06/05/2019. Ngày 21/07/2021, bà Huỳnh C đã ký Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế tại Ngân hàng, đề nghị mở thẻ tín dụng. Ngày 22/07/2021 bà Huỳnh C được cấp Thẻ tín dụng quốc tế số tài khoản thẻ 000000000492333, số thẻ tín dụng 5268873000914479, sử dụng với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng phù hợp với Đề nghị phát hành thẻ tín dụng

quốc tế ngày 22/07/2021. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Huỳnh C và ông Lê T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc lãi. Trong quá trình giải quyết, NGÂN HÀNG đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần để và Huỳnh C và ông Lê T trả nợ nhưng bà C, ông T vẫn cố tình vi phạm, không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký và theo các quy định của pháp luật. Khoản vay của bà C, ông T đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 16/03/2022.

Hiện bà Huỳnh C và ông Lê T đang khởi kiện Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung là các khoản vay của bà C, ông T Ngân hàng. Ngân hàng quyết định thu hồi toàn bộ khoản vay trước thời hạn. Tạm tính đến ngày ngày 15/09/2023, bà Huỳnh C và ông Lê T mới chỉ thanh toán số tiền là 608.273.678 đồng, trong đó: Nợ gốc là 261.340.000 đồng; nợ lãi là 346.933.678 đồng. Dư nợ các khoản vay bà Huỳnh C và ông Lê T tạm tính đến ngày 15/09/2023 là 1.294.621.068đ *(Một tỷ hai trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn không trăm sáu mươi tám đồng)*, trong đó: nợ gốc là 938.660.000 đồng; nợ lãi là 50.934.850 đồng; nợ lãi quá hạn là 224.402.314 đồng và nợ thẻ tín dụng là 80.623.904 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2188901.19 ngày 06/5/2019. Căn cứ điểm 9.1.3, khoản 9.1, điều 9 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 9557661.19 ngày 06/05/2019 quy định về sự kiện vi phạm và tài sản thế chấp sẽ được xử lý để thu hồi nợ như sau: " Bên B sẽ bị coi là đã vi phạm các điều khoản của Hợp đồng này nếu Bên B là đối tượng của bất cứ vụ tranh chấp/ kiện tụng nào mà theo Bên A là ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng tín dụng / hoặc Hợp đồng này, và/ hoặc bên B mất khả năng trả nợ và/ hoặc bên B bỏ trốn khỏi địa phương hoặc trốn tránh". Hiện tại, bà Huỳnh C và ông Lê T đang là bị đơn, nguyên đơn trong vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung" theo Thông báo thụ lý vụ án số 78/2022/TB-TLVA ngày 23/06/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, Tp. Đà Nẵng, ông Tbà Cco yêu cầu phân chia nợ chung là khoản vay của bà C, ông T tại NGÂN HÀNGĐà Nẵng. Xét việc tranh chấp trên ảnh hưởng đến quyền lợi Ngân hàng, vì vậy NGÂN HÀNG yêu cầu bà Huỳnh C và ông Lê Tthực hiện thanh toán toàn bộ các khoản nợ cho NGÂN HÀNG. Biện pháp bảo đảm tiền vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 573, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, Tp. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 851197, số vào sổ cấp GCN: CTs 94575 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên ông Lê T và bà Huỳnh C. Tài sản này được thế chấp tại NGÂN HÀNG theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản

gắn liền với đất số 9557661.19 ngày 06/05/2019 đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng T ngày 06/05/2019, số công chứng 325, quyển số 01 TP/ CC - SCC/ HĐGD. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Huỳnh C và ông Lê T phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 15/09/2023 là 1.294.621.068đ (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn không trăm sáu mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc là 938.660.000 đồng; nợ lãi là 50.934.850 đồng; nợ lãi quá hạn là 224.402.314 đồng và nợ thẻ tín dụng là 80.623.904 đồng. Đề nghị Quý Tòa tiếp tục tính lãi quá hạn, phí kể từ ngày 16/9/2023 cho đến khi bà Huỳnh C và ông Lê Tthanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế đã ký.

- Trong trường hợp bà Huỳnh C và ông Lê T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền được tự phát mại tài sản bảo đảm hoặc đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 573, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, Tp. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 851197, số vào sổ cấp GCN: CTs 94575 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên ông Lê T và bà Huỳnh C. Tài sản này được thế chấp tại NGÂN HÀNG theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9557661.19 ngày 06/05/2019 đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng T ngày 06/05/2019, số công chứng 3257, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho NGÂN HÀNG.

Bất kỳ sự thay đổi, sửa chữa, nâng cấp nào của bà Huỳnh C và ông Lê T đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho NGÂN HÀNG (Chi tiết xem Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 9557661.19 ngày 06/05/2019).

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với NGÂN HÀNG. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết khoản nợ

thì Bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho NGÂN HÀNG.

Với nội dung như trên, bản án sơ thẩm số 37/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung, nợ chung"* của nguyên đơn ông Lê T đối với bị đơn bà Huỳnh C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê T và bà Huỳnh C thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là Lê M, sinh ngày 07/02/2015 và Lê N, sinh ngày 13/11/2017 cho ông Lê T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Huỳnh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Huỳnh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung:

3.1. Giao ông Lê Tđược quyền sở hữu sử dụng tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 573, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, Tp.Đà Nẵng, diện tích: 518m^2 (Trong đó: đất ở nông thôn 358,5m^2, đất trồng cây hằng năm khác 159,5m^2), mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận số CCXXX197 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên Lê T và Huỳnh C.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2073, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, diện tích: 165m^2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC XXX1196 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên Huỳnh C.

Ông Lê T có nghĩa vụ thối trả cho bà Huỳnh C số tiền 939.527.700đ + 623.792.500đ + 358.479.000đ = 1.921.799.200đ *(Một tỷ, chín trăm hai mươi mốt triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm đồng)*.

Ông Lê T được quyền liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được chia nêu trên theo quy định pháp luật.

3.2. Giao bà Huỳnh C được quyền sở hữu sử dụng những tài sản sau:

- Thửa đất số 273, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam, diện tích 117,8m^2 (Trong đó: đất ở nông thôn 100m^2, đất trồng cây lâu năm 17,8m^2), mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy

chứng nhận số CTXXX790 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 13/12/2019 đứng tên Lê T và Huỳnh C.

- Xe ô tô con nhãn hiệu Kia, số loại: Morning, số khung: 1M5KC160502, số máy: G4LAKP033561, màu sơn: xanh, số chỗ ngồi: 5, BKS 43A-XXX 60 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/10/2019 đứng tên bà Huỳnh C.

Bà Huỳnh C có nghĩa vụ thối trả cho ông Lê T số tiền 148.909.000 đồng + 110.000.000 đồng = 258.909.000đ *(Hai trăm năm mươi tám triệu, chín trăm lẻ chín nghìn đồng)*.

Bà Huỳnh C được quyền liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được chia nêu trên theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nợ chung, án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí chia tài sản chung, án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định giá tài sản, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2023 nguyên đơn ông Lê T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 37/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, với lý do Bản án của Tòa án nhân dân huyện H chưa thỏa đáng, chưa nhìn nhận bản chất và nguồn gốc tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà Huỳnh C.

Ngày 29/9/2023, bị đơn bà Huỳnh C có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 37/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết những việc sau:

- Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại tình tiết ông T và Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác và ngoại tình là thông tin bịa đặt, vu khống nhằm xúc phạm danh dự của bà.

- Về con chung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lê M và Lê N vì hai cháu đều là nữ và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại và tuyên chia cho bà và ông T mỗi người nhận 50% tài sản chung của vợ chồng, vì không có căn cứ pháp luật nào chứng minh ông T có quyền nhận hơn 50% tài sản chung, cụ thể là đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thửa số 573 (518m^2) và quyền sử dụng đất thửa số 2073(165m^2).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Lê T giữ nguyên đơn khởi kiện và thay đổi nội dung kháng cáo như sau:

Về con chung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Cphải cấp dưỡng nuôi con chung chung 3.000.000 đồng/tháng. Tại phần tranh luận ông T rút kháng cáo về việc yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại và tuyên chia cho ông nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thửa số 573 (518m^2) và quyền sử dụng đất thửa số 2073 (165m^2), ông nhận 80%, bà C nhận 20%. Đối với thửa 273 ông nhận 70%, bà Cnhận 30%. Đối với xe ô tô ông và bà C mỗi người nhận 50%.

Bị đơn bà Huỳnh C rút kháng cáo về việc được trực tiếp nuôi 02 con chung, bà C có nguyện vọng giao toàn bộ tài sản chung cho ông T sử dụng và sở hữu, ông T có nghĩa vụ trích trả cho bà 50% giá trị tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung:

Căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm về con chung, do các bên đương sự rút kháng cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận kháng cáo của ông Lê T và bà Huỳnh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 37/2023/HNGĐ-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H về việc chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê T trong hạn luật định, đối với đơn kháng cáo của bà Huỳnh C quá hạn luật định. Tuy nhiên tại quyết định 03/2023/QĐ-PT ngày 07/12/2023, Hội đồng xét kháng cáo quá hạn đã chấp nhận kháng cáo quá hạn, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của ông Lê T và bà Huỳnh C, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Cấp sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Tvà bà Huỳnh C.

Đối với nội dung kháng cáo bà C cho rằng xét xử lại tình tiết ông T và Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác và ngoại tình là thông tin bịa đặt, vu khống nhằm xúc phạm danh dự của bà. Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ nhận đinh đây là lời khai từ phía một mình ông T, không phải cấp sơ thẩm cho rằng bà ngoại tình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông Lê T rút kháng cáo về việc cấp dưỡng nuôi con chung, bà Huỳnh Crút kháng cáo về yêu cầu nuôi con chung, nên HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm về con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà C và ông T có tạo lập được tài sản chung gồm có:

- *Tài sản thứ nhất:* Đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2073, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, diện tích: 165m2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC XXX1196 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên Huỳnh C (sau đây gọi tắt là thửa đất số 2073). Giá trị nhà và đất theo chứng thư thẩm định giá là 2.442.515.000 đồng.

- *Tài sản thứ hai:* Đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 573, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, TP.Đà Nẵng, diện tích: 518m2 (Trong đó: đất ở nông thôn 358,5m2, đất trồng cây hằng năm khác 159,5m2), mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận số CCXXX197 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên Lê T và Huỳnh C (sau đây gọi tắt là thửa đất số 573). Giá trị nhà và đất theo chứng thư thẩm định giá là 3.131.759.000 đồng.

- *Tài sản thứ ba:* 01 thửa đất số 273, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam, diện tích 117,8m^2 (Trong đó: đất ở nông thôn 100m2, đất trồng cây lâu năm 17,8m2), mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận số CTXXX790 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 13/12/2019 đứng tên Lê T và Huỳnh C (sau đây gọi tắt là thửa đất số 273). Giá trị thửa đất theo chứng thư thẩm định giá là 297.818.000 đồng.

- *Tài sản thứ tư:* 01 Xe ô tô con nhãn hiệu Kia, số loại: Morning, số khung: 51M5KC160502, số máy: G4LAKP033561, màu sơn: Xanh, số chỗ ngồi: 5, BKS 43A-XXX 60 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/10/2019 đứng tên bà Huỳnh C (sau đây gọi tắt là xe ô tô). Giá trị xe ô tô theo chứng thư thẩm định giá là 220.000.000 đồng.

Xét kháng cáo của ông Lê Tvà bà Huỳnh C về việc chia tài sản chung thì thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm ông T và bà C đều thừa nhận: Về nguồn gốc hai thửa đất số 2073 và 573 là do cha mẹ ông T là ông Lê M và bà Trần S chuyển nhượng cho ông Tvà bà C (thực tế là tặng cho) nhằm mục đích để ông T và bà C đứng tên vay tiền Ngân hàng có vốn làm ăn, thực tế ông T và bà C không thanh toán tiền mua đất như hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký.

Đối với thửa đất số 2073, theo chứng thư thẩm định giá: Đất ở có trị giá là 1.194.930.000 đồng; tài sản trên đất là 1.247.585.000 đồng. Cấp sơ thẩm đã chia ông T được nhận quyền sử dụng đất theo tỷ lệ 70% là 836.451.000 đồng và có nghĩa vụ thối trả cho bà C giá trị chênh lệch tài sản 30% là 358.479.000 đồng; Đối với tài sản trên đất chia theo tỷ lệ ông T, bà C mỗi người được chia 50% là 623.792.500 đồng, là có căn cứ.

Do ông T đang sinh sống tại căn nhà 02 tầng nói trên cùng 02 con chung và ông M , bà S , ông T có nguyện vọng nhận hiện vật để có nơi sinh sống cùng các con. Vì vậy cấp sơ thẩm, giao toàn bộ nhà đất cho ông T và ông T có nghĩa vụ thối trả giá trị chênh lệch tài sản theo tỷ lệ như trên cho bà C là phù hợp.

Đối với thửa đất số 573, theo chứng thư thẩm định giá, giá trị đất và tài sản gắn liền trên đất là 3.131.759.000 đồng. Cấp sơ thẩm, chia theo tỷ lệ cho ông T 70% và bà C 30%, giao toàn bộ đất và tài sản gắn liền trên đất cho ông T là 2.192.231.300 đồng (chiếm 70%), ông T có nghĩa vụ thối trả cho bà Cgiá trị chênh lệch tài sản là 939.527.700 đồng (chiếm 30%), là phù hợp.

Đối với thửa đất số 273, ông T và bà C trình bày do vay tiền Ngân hàng về mua đất.Theo chứng thư thẩm định giá, giá trị đất là 297.818.000 đồng, nên cấp sơ thẩm chia theo tỷ lệ mỗi người được hưởng 50%, giao cho bà C quyền sử dụng đất và bà C có nghĩa vụ thối trả cho ông T 50% giá trị chênh lệch tài sản là 148.909.000 đồng, là phù hợp.

Đối với xe ô tô, ông T và bà C trình bày do vay tiền Ngân hàngvề mua xe. Theo chứng thư thẩm định giá, giá trị xe ô tô là 220.000.000 đồng, nên cấp sơ

thẩm chia mỗi người được hưởng 50%, giao xe cho bà Csơ hữu xe ô tô và bà C có nghĩa vụ thối trả cho ông T 50% giá trị chênh lệch tài sản với số tiền là 110.000.000 đồng, là phù hợp.

Từ nhận định và phân tích trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà C về việc chia tài sản chung, giữ nguyên án sơ thẩm về chia tài sản chung.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà C và giữ nguyên án sơ thẩm nên ông T và bà C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ một phần kháng cáo của ông Lê T và bà Huỳnh C về con chung.

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê T và bà Huỳnh C, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng về việc chia tài sản chung.

Xử:

1. Về tài sản chung:

1.1. Giao ông Lê T được quyền sở hữu, sử dụng tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 573, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, Tp.Đà Nẵng, diện tích: 518m^2 (Trong đó: đất ở nông thôn 358,5m^2, đất trồng cây hằng năm khác 159,5m^2), mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận số CCXXX197 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên Lê T và Huỳnh C.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2073, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, diện tích: 165m^2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC XXX1196 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/04/2016 đứng tên Huỳnh C.

Ông Lê Tcó nghĩa vụ thối trả cho bà Huỳnh C số tiền 939.527.700đ + 623.792.500đ + 358.479.000đ = 1.921.799.200đ *(Một tỷ, chín trăm hai mươi mốt triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm đồng)*.

Ông Lê T được quyền liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được chia nêu trên theo quy định pháp luật.

1.2. Giao bà Huỳnh C được quyền sở hữu, sử dụng tài sản sau:

- Thửa đất số 273, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam, diện tích 117,8m^2 (Trong đó: đất ở nông thôn 100m^2, đất trồng cây lâu năm 17,8m^2), mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, sử dụng lâu dài có Giấy chứng nhận số CTXXX790 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 13/12/2019 đứng tên Lê T và Huỳnh C.

- Xe ô tô con nhãn hiệu Kia, số loại: Morning, số khung: 1M5KC160502, số máy: G4LAKP033561, màu sơn: xanh, số chỗ ngồi: 5, BKS 43A-XXX 60 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/10/2019 đứng tên bà Huỳnh C.

Bà Huỳnh C có nghĩa vụ thối trả cho ông Lê Tsố tiền 148.909.000 đồng + 110.000.000 đồng = 258.909.000đ *(Hai trăm năm mươi tám triệu, chín trăm lẻ chín nghìn đồng)*.

Bà Huỳnh C được quyền liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được chia nêu trên theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

2. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê T và bà Huỳnh C mỗi người phải chịu là 300.000 đồng, ông T đã nộp theo biên lai thu số 0000531 ngày 18/10/2023, bà C đã nộp theo biên lai thu số 0001732 ngày 20/11/2023 tại Cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông T và bà C đã nộp đủ án phí HNGĐ phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Đà Nẵng
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thúy Năng